

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST

Ngày 13-9-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Liên;

2. Bà Nguyễn Thị Chinh;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Công Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H; địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh K, phường N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T, chức vụ: Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1991; chức vụ: Cán bộ phòng giao dịch B, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn D, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T; trú tại: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đức M, bà Nguyễn Thị Đ; trú tại: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Bá H trình bày:

Ngày 29/7/2019, bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H hợp đồng tín dụng hạn mức số 1141/19PGDKrB/HĐTD. Ngày 27/7/2022, bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 1141/19PGDKrB/HĐTD/KUNN01 để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 28/7/2022, lãi suất là 13%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả đối với lãi là 10%/năm trên số nợ lãi chậm trả; lịch trả lãi 06 tháng trả một lần; mục đích vay bổ sung vốn trồng trọt.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 1141/19PGDKrB/HĐBĐ ngày 29/7/2019, tài sản thế chấp bao gồm: Thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA784407 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 26/12/2010 cho ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T đã trả khoản tiền lãi từ ngày 28/7/2022 đến ngày 27/01/2023. Từ ngày 28/01/2023 đến nay ông T, bà L chưa trả được tiền gốc và tiền lãi suất cho ngân hàng.

Do bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T phải trả cho ngân hàng tổng số tiền: 78.555.499 đồng, trong đó nợ gốc 59.999.950 đồng; nợ lãi trong hạn 3.737.000 đồng, lãi quá hạn 14.817.559 đồng (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 13/9/2024).

Ngoài ra, ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L còn phải chịu lãi suất chậm trả kể từ ngày 14/9/2024 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 1141/19PGDKrB/HĐTD ngày 29/7/2019 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1141/19PGDKrB/HĐTD/KUNN01 ngày 27/7/2022 đã ký với ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phạm Đức T trình bày:

Ngày 29/7/2019, bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H hợp đồng tín dụng hạn mức số 1141/19PGDKrB/HĐTD. Ngày 27/7/2022, bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1141/19PGDKrB/HĐTD/KUNN01 để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 28/7/2022, lãi suất là 13%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả đối với lãi là 10%/năm trên số nợ lãi chậm trả; lịch trả lãi 06 tháng trả một lần; mục đích vay bổ sung vốn trồng trọt.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 1141/19PGDKrB/HĐBĐ ngày 29/7/2019, tài sản thế chấp bao gồm: Thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA784407 do UBND huyện N cấp ngày 26/12/2010 cho ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T đã trả khoản tiền lãi từ ngày 28/7/2022 đến ngày 27/01/2023. Từ ngày 28/01/2023 đến nay ông T, bà L chưa trả được tiền gốc và tiền lãi suất cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 74.761.630 đồng, trong đó nợ gốc 59.999.950 đồng; nợ lãi 14.761.680 đồng (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 29/5/2024) thì ông T đồng ý trả. Tuy nhiên, vì điều kiện đang rất khó khăn nên nguyện vọng sẽ trả thành

hai đợt: Chậm nhất ngày 10/9/2024 trả 30.000.000 đồng tiền gốc; Chậm nhất ngày 30/12/2024 trả hết số nợ gốc còn lại và lãi suất.

Trường hợp ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức M, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m², là tài sản của ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L. Hiện tại, ông bà đang ở nhờ trên thửa đất nêu trên. Việc ông T, bà L thế chấp Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA784407 do UBND huyện N cấp ngày 26/12/2010 cho ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L cho ngân hàng thì ông M, bà Đ không liên quan, không có ý kiến gì.

Trường hợp nếu ông T, bà L không trả được nợ, ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thì ông M, bà Đ đồng ý bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý.

- *Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn bà Võ Thị L vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, Điều 465, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

Buộc ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số tiền 78.555.499 đồng, trong đó nợ gốc 59.999.950 đồng; nợ lãi trong hạn 3.737.000 đồng, lãi quá hạn 14.817.559 đồng (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 13/9/2024). Tiếp tục tính lãi suất kể từ ngày 14/9/2024 với mức lãi suất đã thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà L thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Sau khi ông T, bà L trả hết các khoản nợ thì Ngân hàng phải trả lại cho ông T, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA784407 do UBND huyện N cấp ngày 26/12/2010 cho ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m²; tọa lạc tại xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Trường hợp ông T, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức M, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 29/7/2019, bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H hợp đồng tín dụng hạn mức số 1141/19PGDKrB/HĐTD. Ngày 27/7/2022, bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1141/19PGDKrB/HĐTD/KUNN01 để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 28/7/2022, lãi suất là 13%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả đối với lãi là 10%/năm trên số nợ lãi chậm trả; lịch trả lãi 06 tháng trả một lần; mục đích vay bổ sung vốn trồng trọt.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 1141/19PGDKrB/HĐBĐ ngày 29/7/2019, tài sản thế chấp: Thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA784407 do UBND huyện N cấp ngày 26/12/2010 cho ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Võ Thị L, ông Phạm Đức T chưa trả tiền gốc và lãi suất cho ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc ông T, bà L trả nợ nhưng ông T, bà L trây ỳ, cố tình lẩn tránh. Hợp đồng cho vay ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Nay đã quá hạn trả nợ gốc, lãi suất nhưng ông T, bà L không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký giữa các bên.

Như vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà L phải trả toàn bộ dư nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 13/9/2024 là 78.555.499 đồng, trong đó nợ gốc 59.999.950 đồng; nợ lãi trong hạn 3.737.000 đồng, lãi quá hạn 14.817.559 đồng, là có cơ sở, cần chấp nhận.

Kể từ ngày 14/9/2024, ông T, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín

dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2.2] Sau khi ông T, bà L trả hết nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA784407 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 26/12/2010 cho ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m²; tọa lạc tại xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp vợ chồng ông T, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn ngân hàng TMCP phát triển thành phố H không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L phải chịu 78.555.499 đồng x 5% = 3.928.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP phát triển thành phố H.

1. Buộc ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L phải trả cho ngân hàng TMCP phát triển thành phố H số nợ tính đến hết ngày 13/9/2024 là 78.555.499 đồng (*Bảy mươi tám triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn, bốn trăm chín mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc 59.999.950 đồng; nợ lãi trong hạn 3.737.000 đồng, lãi quá hạn 14.817.559 đồng.

Kể từ ngày 14/9/2024, ông T, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1141/19PGDKrB/HĐTD và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1141/19PGDKrB/HĐTD/KUNN01 ngày 27/7/2022.

2. Sau khi ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L trả hết nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA784407 do UBND huyện N cấp ngày 26/12/2010 cho ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 45, diện tích 2500m²; tọa lạc tại xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp vợ chồng ông T, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp

của ông T, bà L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 1141/19PGDKrB/HĐBĐ ngày 29/7/2019 theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn ngân hàng TMCP phát triển thành phố H không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ sau khi thu được từ ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L.

4. Về án phí: Ông Phạm Đức T, bà Võ Thị L phải chịu 3.928.000 đồng (*Ba triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 1.869.000 đồng (*Một triệu, tám trăm sáu chín ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011627 ngày 10/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
-;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Xuân Hải